

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TÔN GIÁO HỌC VÀ TIẾN HÓA LUẬN

NGUYỄN ĐỨC SỰ^(*)

Tôn giáo học tách khỏi triết học và thần học để tồn tại như một khoa học nhân văn độc lập vào nửa cuối thế kỉ XIX trong tình hình quan niệm về sự tiến hóa và phát triển rất được tôn vinh trên vũ đài tư tưởng Châu Âu, nhất là trong một số lĩnh vực của khoa học tự nhiên như lĩnh vực sinh vật học. Do đó, những thành tựu của tiến hóa luận đương thời tất nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển của tôn giáo học. Có thể nói, một đặc trưng quan trọng của thời kì hình thành tôn giáo học Phương Tây cận đại là việc các nhà tôn giáo học dùng khái niệm phát triển lịch sử hoặc tiến hóa lịch sử để nắm cho được các tôn giáo trong lịch sử thế giới một cách thống nhất, nhằm đưa các tôn giáo đó vào một quá trình diễn biến lịch sử.

Chính tôn giáo học đã hình thành và phát triển dưới ảnh hưởng của tiến hóa luận từ hai phía:

- Một là, từ tiến hóa luận triết học của Holbach, Hume thế kỉ XVIII đến Hegel và Comte thế kỉ XIX

- Hai là, tiến hóa luận khoa học của Darwin thế kỉ XIX.

Tôn giáo không phải do trời tạo ra mà là một quan niệm, một hình thái ý thức có quá trình phát triển trong lịch sử, điều đó đã sớm được đề xuất trong các tác phẩm của các nhà tư tưởng Khai sáng thế kỉ XVIII. Trong cuốn *"Lịch sử tự nhiên của tôn giáo"*, Hume đã trình bày rõ ràng

về điều đó. Ông cho rằng từ quan niệm chưa hoàn thiện về thần đến quan niệm hoàn thiện về thần, từ tôn giáo đa thần đến tôn giáo nhất thần cần có một quá trình nâng cao sự trừu tượng từ cấp thấp đến cấp cao. Bất cứ một sự vật nào cũng đều không thể chối bỏ tiến trình tự nhiên của sự phát triển về tư tưởng đó. Ông quy sự phát triển của tôn giáo thành một quá trình lịch sử từ tôn giáo đa thần phát triển thành tôn giáo độc thần.

Holbach đã thấy rõ sự sản sinh ra tôn giáo có căn cứ nhân tính của nó. Đó là một quá trình tự nhiên do nhu cầu sinh tồn của con người quyết định. Ông còn khảo sát tình hình phát triển quan niệm về thần và thể chất tôn giáo trong lịch sử. Trên cơ sở của sự khảo sát đó, ông chia sự phát triển lịch sử của tôn giáo thành ba giai đoạn là bài vật giáo, đa thần giáo và nhất thần giáo.

Hegel đã đưa phép biện chứng duy tâm của mình vào triết học tôn giáo, do đó ông đã tạo ra một quá trình tiến hóa lịch sử của tôn giáo thế giới. Ông lí giải lịch sử phát triển của tôn giáo thế giới thành một quá trình tiến hóa luận của tinh thần tuyệt đối từ tôn giáo tự nhiên có tính chất ma thuật của Phương Đông phát triển thành những tôn giáo cá biệt của tinh thần (như tôn giáo Do Thái, tôn giáo Hy Lạp, tôn giáo La Mã), rồi sau đó

*. PGS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

phát triển thành tôn giáo tuyệt đối (đạo Kitô).

Hệ thống triết học của Comte cũng lí giải về sự tiến hóa lịch sử của tôn giáo thế giới như vậy. Ông chia toàn bộ lịch sử loài người thành ba giai đoạn lớn. Đó là giai đoạn thần học hoặc hư cấu, giai đoạn siêu hình hoặc trừu tượng, giai đoạn thực chứng hoặc khoa học. Sau đó Comte lại chia thời kì thần học làm ba giai đoạn lịch sử bao gồm bái vật giáo, đa thần giáo và nhất thần giáo. Ba giai đoạn tiến hóa của tôn giáo mà Comte đã phân chia có ảnh hưởng trực tiếp đến quan niệm về sự tiến hóa của nhân loại học tôn giáo sau này.

Đặc biệt sự xuất hiện của học thuyết Darwin (1809 - 1882) vào giữa thế kỉ XIX như một tiếng sấm vang động trên bầu trời tư tưởng của thời đại. Từ góc độ sinh vật học, Darwin đã đưa lại cơ sở khoa học vững chắc cho tiến hóa luận. Năm 1859 Darwin xuất bản cuốn sách khoa học nổi tiếng là *"Nguồn gốc của các giống loài"*. Trong tác phẩm ấy, ông đã đề ra học thuyết về các sinh vật thông qua sự lựa chọn tự nhiên, ưu thắng liệt bại mà không ngừng tiến hóa. Điều đó đã phủ định thuyết Thượng Đế sáng tạo thế giới. Trước Darwin đã có những người chủ trương thuyết tiến hóa rồi. Nhưng chính Darwin mới là người đầu tiên dựa vào nhiều tài liệu khoa học để sáng lập ra một lí thuyết khoa học sâu rộng về sự tiến hóa của các thể hữu cơ và của các loại sinh vật. Năm 1871, Darwin lại ứng dụng tiến hóa luận từ động vật nói chung vào vấn đề nguồn gốc của loài người. Ông đã viết tác phẩm *"Phả hệ của loài người"*. Ở tác phẩm này, ông đã chứng minh rằng loài người là sản vật của một quá trình tiến hóa lịch sử lâu dài, từ những giống loài cấp thấp đến giống loài cấp cao. Tiến hóa luận sinh vật của Darwin đã giáng một đòn chí mạng vào thần học Kitô giáo. Nó đã dẫn đến một cuộc

cách mạng trong khoa học tự nhiên sánh ngang với thuyết mặt trời trung tâm của Copernic và lực học của Newton. Tính chất phá hoại của cuộc cách mạng đó đối với thế giới quan thần học của đạo Kitô càng to lớn và trực tiếp hơn. Nó có ảnh hưởng sâu rộng không kể xiết trên mọi phương diện của tư tưởng và tinh thần của người Châu Âu và toàn bộ loài người. Ngay đối với tôn giáo học, học thuyết Darwin đã làm cho quan niệm về sự tiến hóa của các tôn giáo tìm được căn cứ khoa học. Do đó, nó đã trở thành nguyên lí và phương pháp cơ bản của tôn giáo học cận đại đang nảy sinh và phát triển lúc đương thời.

Trên tiến trình ứng dụng tiến hóa luận vào việc nghiên cứu tôn giáo học, Spencer (1820 – 1903) có vai trò đặc biệt. Ông đã ứng dụng tiến hóa luận để thuyết minh sinh hoạt xã hội và mọi phương diện của nền văn hóa. Trong tác phẩm *"Nguyên lí thứ nhất"* (1862), Spencer đã thuyết minh sự "tiến hóa" từ những sự vật giản đơn phát triển tới những sự vật phức tạp thành nguyên lí cơ bản mà hết thảy mọi sự vật phải tuân theo. Ông viết:

"Trước tiên tôi cần phải chỉ ra rằng: Quy luật tiến hóa của vật hữu cơ là quy luật của hết thảy mọi sự tiến hóa. Bất luận là sự phát triển của sự sống trên trái đất, cho đến sự phát triển của xã hội, chính phủ, hàng hóa, thương nghiệp, mậu dịch, ngôn ngữ, văn hóa, khoa học, nghệ thuật cũng đều là từ những sự vật giản đơn trải qua sự phân hóa liên tục mà phát triển thành sự vật phức tạp"⁽¹⁾.

Như vậy là Spencer đã coi nguyên lí và phương pháp của tiến hóa luận là nguyên lí và phương pháp cơ bản chung cho sự phát triển của hết thảy mọi sự vật. Ông cho rằng sự tiến hóa phổ biến đó đương

1. Spencer. *"Nguyên lí thứ nhất"* bản tiếng Anh xuất bản lần I tại Luân Đôn, tr 148.

nhiên bao hàm cả tôn giáo. Đối với ông, hết thảy mọi hiện tượng tôn giáo, kể cả thần mà mọi tôn giáo đều sùng bái cũng là sản vật của sự tiến hóa. Vậy thì hình thức sớm nhất, nguyên thủy nhất, giản đơn nhất của thần ở các tôn giáo là gì? Nó từ đâu tới? Trong tác phẩm “*Nguyên lí thứ nhất*”, Spencer chỉ ra rằng:

“Đúng như toàn bộ các kinh điển và truyền thống cổ đại đã chứng minh, người có quyền uy và ở địa vị thống trị sớm nhất được xem là cá nhân thần thánh. Những câu cách ngôn và mệnh lệnh mà người đó phát biểu lúc sinh thời, thì khi người đó chết được xem là thần thánh. Những người kế tục gia tộc thần thánh của người đó ra sức cường điệu những câu cách ngôn và mệnh lệnh ấy”⁽²⁾.

Như vậy là theo Spencer, thần của các tôn giáo không hề có nguồn gốc thần thánh mà nó bắt nguồn từ sự sùng bái của người nguyên thủy đối với các thủ lĩnh bộ lạc đã chết. Vì khi còn sống những thủ lĩnh bộ lạc nắm giữ cả luật lệ, tôn giáo và lệ tục của bộ lạc, do đó vị thủ lĩnh ấy quyết định sự hưng thịnh của bộ lạc. Cho nên sau khi chết vị thủ lĩnh ấy được tôn là thần.

Do ảnh hưởng của tiến hóa luận sinh vật của Darwin và cũng do sự cổ vũ cho tiến hóa luận đó của Spencer mà đa số các học giả và các nhà khoa học đương thời tin rằng có thể ứng dụng tiến hóa luận vào tôn giáo học và các lĩnh vực khác của nền văn hóa nhân loại. Do đó, tiến hóa luận nhanh chóng trở thành tinh thần khoa học và bầu không khí học thuật của thời đại.

Những nguyên tắc lí luận của tiến hóa luận đã làm cho sinh hoạt xã hội và các hình thái văn hóa của loài người trở thành một quá trình lịch sử sống động. Các học giả nhân văn ứng dụng những

nguyên tắc lí luận mới ấy để khảo sát lại các lĩnh vực của nền văn hóa loài người ra sức tìm hiểu nguồn gốc, sự phát triển và tương lai của các hiện tượng văn hóa đó. Những nguyên tắc lí luận mới ấy đã được quán triệt trong việc nghiên cứu tôn giáo, do đó đã thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của tôn giáo học.

Những nhà tôn giáo học sớm nhất như Muller (1823-1900), Tylor (1832-1917), Frajer (1854-1941), Marett (1866-1943), v.v... đều chịu ảnh hưởng của tiến hóa luận.

Muller cho rằng, sự cảm nhận về cái vô hạn tức quan niệm về cái vô hạn là cơ sở để tạo dựng hết thảy mọi tôn giáo. Khát vọng về cái vô hạn là khởi điểm và động lực của các tôn giáo. Nhưng quan niệm về cái vô hạn mà con người cảm nhận được không phải khi mới ra đời đã hoàn thiện. Tôn giáo không hề lấy quan niệm hoàn thiện về cái vô hạn làm bước đi thứ nhất của tiến trình lịch sử. Mà quan niệm về cái vô hạn không ngừng phát triển và hoàn thiện, tùy theo sự phát triển trí lực của loài người. Còn quan niệm hoàn thiện về cái vô hạn không phải là bước đi thứ nhất mà là bước đi cuối cùng của quá trình phát triển đó. Muller nhấn mạnh rằng: “Lịch sử phát triển của quan niệm về cái vô hạn chính là lịch sử của tôn giáo”. Cũng trên trên quan điểm tiến hóa lịch sử đó mà ông đã chia sự phát triển của tôn giáo làm ba giai đoạn là đơn nhất thần giáo, đa thần giáo và duy nhất thần giáo.

Theo Tylor thì ý nghĩa của tiến hóa luận Darwin không chỉ hạn chế ở lĩnh vực sinh vật. Ông đã ứng dụng một cách hệ thống tiến hóa luận của Darwin vào toàn bộ các lĩnh vực của văn hóa nhân loại, xem văn hóa nhân loại trong đó coi các tôn giáo là một quá trình tiến hóa liên tục

2. Spencer. Sđd., tr. 158.

từ hình thức thấp phát triển lên hình thức cao. Trong tác phẩm “*Văn hóa nguyên thủy*” ông đã tìm hiểu vấn đề nguồn gốc của tôn giáo. Từ góc độ tiến hóa luận ông nhận thấy rằng, tôn giáo bắt nguồn từ các chủng tộc phát triển thấp của thời nguyên thủy. Do đó, tôn giáo học cần phải tiến hành nghiên cứu một cách có hệ thống đối với tôn giáo của các chủng tộc thời nguyên thủy. Do ảnh hưởng của tiến hóa luận mà tín ngưỡng tôn giáo của người nguyên thủy càng được nhiều học giả thừa nhận là điểm khởi đầu của hết thảy mọi tôn giáo của loài người. Chính vì thế mà vấn đề tính người và bản chất của tôn giáo đã được giới học thuật coi trọng. Cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX, nhiều học giả đã đi tới những nơi xa xôi, những vùng đất lạ có các bộ tộc “chưa khai hóa” để khảo sát, nghiên cứu tôn giáo và văn hóa của người nguyên thủy.

Tôn giáo học từ thuyết vạn vật hữu linh của Tylor đến thuyết ma thuật của Frajer rồi đến thuyết vạn vật hữu linh của Marett, mặc dù các học thuyết đó có những kiến giải khác nhau về nguồn gốc và sự phát triển của tôn giáo, nhưng các học thuyết đó đều sử dụng tiến hóa luận để tìm sự khởi đầu của tôn giáo từ trong những quan niệm sai lầm, hoặc từ những hoạt động ma thuật đối với thần linh của những con người thời nguyên thủy.

Vào thập kỉ tám mươi của thế kỉ XIX, bằng một loạt các tác phẩm “*Bruno Bauer và đạo Kitô khởi thủy*”, “*Chống Duhring*”, “*Ludwing-Feuerbach và sự cáo chung của nền triết học cổ điển Đức*”, Ăngghen (Elgels) đã khẳng định sự tiến hóa và phát triển của các tôn giáo trong lịch sử. Ông nhấn mạnh rằng: “Trước hết phải biết giải thích nguồn gốc và sự phát triển của tôn giáo xuất phát từ những điều kiện lịch sử mà nó đã xuất hiện”⁽³⁾. Trong tác phẩm “*Chống Duhring*” Ăngghen đã

chỉ rõ sự tiến hóa của tôn giáo, từ tôn giáo tự nhiên đến tôn giáo đa thần, rồi đến tôn giáo nhất thần. Nhưng ông không dừng lại ở chỗ nói suông về sự diễn biến của các hình thức tôn giáo như các nhà triết học thế kỉ XVIII và các nhà tôn giáo học thế kỉ XIX. Ông muốn từ việc so sánh với sự phát triển của đời sống hiện thực để thuyết minh về sự phát triển của các hình thức tôn giáo. Sự phát triển của đời sống hiện thực mà Ăngghen nói tới là sự phát triển của những điều kiện lịch sử xã hội. Ở đây Ăngghen đã làm sáng tỏ nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc xã hội của tôn giáo, đồng thời còn chỉ rõ sự biến đổi của các biểu tượng thần linh và của các hình thức tôn giáo là phụ thuộc vào sự biến đổi của xã hội. Do nhìn nhận sự tiến hóa và phát triển của tôn giáo trên lập trường của chủ nghĩa duy vật lịch sử mà Ăngghen đã có những đóng góp mới cho tôn giáo học đương thời.

Như vậy, tôn giáo học ngay từ thời kì hình thành vào nửa cuối thế kỉ XIX đã chịu ảnh hưởng sâu sắc của tiến hóa luận vốn thịnh hành ở Châu Âu vào thế kỉ XVIII và XIX. Từ quan niệm về sự tiến hóa và phát triển của các nhà triết học thế kỉ XVIII và thế kỉ XIX đến quan niệm về sự tiến hóa trong lĩnh vực sinh vật của Darwin, rồi đến quan niệm về sự tiến hóa và phát triển trên lập trường duy vật lịch sử của những người sáng lập ra chủ nghĩa Mác, tất cả đã để lại những dấu ấn rõ rệt đối với những giai đoạn phát triển đầu tiên của tôn giáo học. Có thể nói tiến hóa luận đã đem lại cách nhìn nhận mới có cơ sở khoa học cho tôn giáo học./.

3. C.Mác-Ph. Ăngghen về vấn đề tôn giáo, Nguyễn Đức Sự chủ biên, Nxb KHXH, Hà Nội, 1999, tr 385.